

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ  
dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của  
Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức  
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của  
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức  
phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 6736/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định về  
nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách  
tỉnh Đắk Nông năm 2022; Công văn số 7196/UBND-KTTH ngày 09 tháng 12  
năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra; Báo  
cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông; ý  
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu  
chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông  
năm 2022.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- TT.HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- TT.HĐND và UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, CTHĐND, HC-TC-QT, HSKH. *plh*

**CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Trung**



## QUY ĐỊNH

Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán  
chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022  
(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

### Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

### Chương II NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYẾN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

#### Điều 3. Nguyên tắc xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

1. Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Đắk Nông; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, vùng khó khăn, biên giới.

2. Định mức phân bổ ngân sách được xác định theo phân cấp quản lý kinh tế - xã hội; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022 - 2025; đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương và trong phạm vi tổng dự toán được Trung ương giao năm 2022 và cả giai đoạn 2022 - 2025.



3. Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện kiểm tra và giám sát; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch trong phân bổ ngân sách.

4. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên này là cơ sở để xây dựng dự toán chi ngân sách của các Sở, Ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và phân bổ tổng mức kinh phí cho từng huyện, thị xã, thành phố (bao gồm cấp huyện và cấp xã).

Định mức phân bổ được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 và các chế độ, chính sách được HĐND tỉnh ban hành từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 12 năm 2021). Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước. Trường hợp các huyện, thị xã, thành phố bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, các huyện, thị xã, thành phố phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách của địa phương, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố.

5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách của các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 đảm bảo theo nguyên tắc không thấp hơn năm 2021.

6. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài; ưu tiên nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phân đầu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế.

7. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

8. Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

9. Định mức phân bổ dự toán chi các lĩnh vực sự nghiệp được xác định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng đổi mới khu vực sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày



21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công. Trong đó:

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên. Đơn vị thực hiện báo cáo đầy đủ nguồn thu, nhiệm vụ chi năm hiện hành và dự kiến năm kế hoạch; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công chưa tính đủ chi phí. Thực hiện khoán chi ngân sách hỗ trợ giai đoạn 2022 - 2025 và giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo quy định.

- Định mức chi hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị quyết này là cơ sở để xác định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và tài chính.

- Hằng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025, căn cứ kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan, sẽ xác định phần giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công; dành kinh phí để tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại các lĩnh vực chi thường xuyên và từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

#### **Điều 4. Phương pháp xác định một số tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ ngân sách địa phương**

1. Về dân số: Số dân của từng huyện, thị xã, thành phố được xác định theo dân số trung bình năm 2022 do Cục Thống kê tỉnh cung cấp.

2. Huyện biên giới và xã đặc biệt khó khăn, trọng điểm về quốc phòng, trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, loại 1, loại 2, loại 3 theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Về chỉ tiêu giường bệnh: Được xác định trên cơ sở số liệu năm trước liền kề năm hiện hành do Cục Thống kê tỉnh công bố.

4. Về phân loại nhóm:

- Thành phố Gia Nghĩa.

- Huyện thuộc Nhóm I gồm: Huyện Đắk Mil, Đắk R'Lấp, Cư Jút.

- Huyện thuộc Nhóm II gồm: Huyện Krông Nô, Đắk Song, Đắk Glong, Tuy Đức.



**Điều 5. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các Sở, Ban, ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh**

**1. Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể**

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) của số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định hiện hành, trong đó kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương.

b) Chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo tiêu chí biên chế với định mức 28.000.000 đồng/biên chế/năm.

*Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm:*

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi xây dựng, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động kiểm tra, giám sát; tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

c) Kinh phí cho một số nhiệm vụ không thường xuyên, nhiệm vụ đặc thù của các ngành, lĩnh vực theo quy định, gồm:

- Kinh phí đối ứng của các dự án; chi thuê trụ sở; chi hoạt động của các ban chỉ đạo, ban điều phối, tổ công tác liên ngành, các hội đồng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập; trang phục ngành; chi mua ô tô, sửa chữa lớn trụ sở.

- Kinh phí chi mua quà và tặng phẩm cho lãnh đạo cao cấp đi thăm và làm việc ở các nước; chi giám sát, phản biện xã hội, tổ chức các hoạt động phong trào của các tổ chức chính trị - xã hội; kinh phí hỗ trợ các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc tôn giáo.

- Kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê đặc thù, đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền; chi hoạt động của Hội đồng thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Hội đồng thẩm định dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Sở Tư pháp thực hiện theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Phụ cấp trách nhiệm cấp ủy viên; sinh hoạt phí cho Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và chế độ, chính sách đối với đại biểu hội đồng nhân dân theo phân cấp.



- Kinh phí hoạt động của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh được xác định trên cơ sở tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu, nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan này và mức cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

- Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao với mức 60.000.000 đồng/hợp đồng/năm.

- Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

d) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

- Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: Thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng nguyên tắc bố trí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của lĩnh vực quản lý hành chính như tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 5 Quy định này và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

- Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật, ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

## **2. Sự nghiệp giáo dục**

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) của số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định hiện hành, trong đó kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương.

b) Chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập theo định mức 20.000.000 đồng/biên chế/năm, định mức này đã bao gồm:

- Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của đơn vị: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành, lĩnh vực; chế độ bồi dưỡng đối với giáo viên thể dục và giáo viên quốc phòng; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; phổ cập giáo dục, duy trì trường chuẩn, kiểm định chất lượng giáo dục, hoạt động hè, tuyển sinh,....

- Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định.

- Kinh phí bảo hiểm, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên trường, lớp học, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và học tập theo quy định.



c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung, được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế của năm trước và theo chính sách, chế độ chi tiêu quy định, gồm:

- Chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú.
- Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.
- Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.
- Hỗ trợ kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.

- Chính sách ưu tiên, chế độ ưu đãi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh trường trung học phổ thông chuyên và đối với học sinh đạt giải, giáo viên dạy bồi dưỡng.

- Chính sách giáo dục khác được cơ quan có thẩm quyền quyết định, nhiệm vụ không thường xuyên và các hoạt động chung do ngành tổ chức có nhiều cấp tham gia như thi học sinh giỏi, thi tốt nghiệp THPT, Hội khỏe phù đồng, Hội thao quốc phòng.

### **3. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề**

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) của số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định hiện hành, trong đó kinh phí nâng bậc lương hàng năm theo tỷ lệ 2% trên tổng quỹ lương.

b) Chi hoạt động thường xuyên theo định mức 20.000.000 đồng/biên chế/năm, định mức này đã bao gồm:

- Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của đơn vị: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, đoàn thể trong cơ quan.

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật,....

- Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định.

- Kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và học tập theo quy định.

c) Ngoài ra, được phân bổ kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Chi đào tạo, bồi dưỡng theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng, an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; kiến thức hội nhập quốc tế; vận động viên năng khiếu các bộ môn thể thao cho đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo số lượng học viên thực tế và chế độ quy định.

- Chi đào tạo, bồi dưỡng với định mức 800.000 đồng/biên chế/năm. Cơ quan, đơn vị căn cứ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được phân bổ và các



nguồn kinh phí khác quyết định hỗ trợ chi phí cho cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; lý luận chính trị theo quy chế chi tiêu nội bộ hoặc theo quy định hiện hành.

#### 4. Sự nghiệp khoa học và công nghệ

a) Áp dụng theo điểm a và điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định này.

b) Hàng năm, trên cơ sở nhiệm vụ được phê duyệt và khả năng ngân sách tỉnh thực hiện bố trí kinh phí chi công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo phân cấp.

#### 5. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a) Áp dụng theo điểm a khoản 3 Điều 5 Quy định này.

b) Chi hoạt động thường xuyên được phân bổ với định mức cụ thể như sau:

Tiêu chí	Đơn vị tính	Định mức
<b>1. Khối khám, chữa bệnh</b>		
- Tuyến tỉnh	Triệu đồng/giường/năm	27
- Tuyến huyện, thành phố	Triệu đồng/giường/năm	23
<b>2. Khối y tế dự phòng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, trung tâm chuyên ngành tỉnh, huyện</b>	Triệu đồng/biên chế/năm	20
<b>3. Hoạt động của trạm y tế xã, phường</b>	Triệu đồng/trạm/năm	70

\* Định mức phân bổ trên đã bao gồm:

- Các khoản chi phục vụ hoạt động thường xuyên của đơn vị, kể cả chi phục vụ hoạt động Đảng, đoàn thể (đã bao gồm khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu,...).

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành, lĩnh vực; tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật,....

- Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo quy định (trường hợp nếu thiếu kinh phí, đơn vị được phép sử dụng nguồn thu để lại chi để đảm bảo).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa thường xuyên các công trình cơ sở hạ tầng, tài sản phục vụ công tác chuyên môn; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc.



c) Hằng năm, trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền, chế độ theo quy định và khả năng của ngân sách tỉnh bố trí kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Chế độ, chính sách cho nhân viên y tế thôn, bản và cộng tác viên dân số; mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo phân cấp do ngân sách tỉnh đảm bảo; kinh phí thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực y tế (không bao gồm chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và chi hoạt động thường xuyên).

- Vốn đối ứng các dự án thuộc lĩnh vực y tế; Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo và chăm sóc sức khỏe cán bộ.

- Một số nhiệm vụ phát sinh đặc thù và mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất ngành y tế.

## **6. Sự nghiệp văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình và thể dục thể thao**

a) Áp dụng theo điểm a và điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp (là đơn vị sự nghiệp công của Nhà nước) được phân bổ thêm kinh phí 510 triệu đồng/đoàn.

- Đội thông tin lưu động được phân bổ thêm 250 triệu đồng/đội/năm.

- Trên cơ sở số đối tượng thực tế của năm trước và chính sách theo quy định bố trí kinh phí chi chế độ luyện tập, thi đấu, khen thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên thành tích cao.

c) Hằng năm, căn cứ chế độ quy định, khả năng ngân sách tỉnh và chủ trương của cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện chính sách, nhiệm vụ phát sinh đặc thù và hỗ trợ một phần kinh phí cho các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, truyền dẫn, phát sóng kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương.

## **7. Sự nghiệp môi trường**

a) Áp dụng theo điểm a và điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định này.

b) Hằng năm, căn cứ chế độ quy định, khả năng ngân sách tỉnh và chủ trương của cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo phân cấp.

## **8. Sự nghiệp kinh tế**

a) Áp dụng theo điểm a và điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định này.

b) Hằng năm, căn cứ chế độ quy định, khả năng ngân sách tỉnh và chủ trương của cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp do ngân sách tỉnh đảm bảo, cụ thể:



- Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình giao thông; thiết lập và quản lý hệ thống báo hiệu đường bộ, đường thủy nội địa; đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường.

- Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các công trình thủy lợi, trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, phát triển nông thôn, bảo vệ thực vật, thú y; khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

- Phòng, chống thiên tai.

- Hoạt động sự nghiệp quản lý đất đai và quản lý tài nguyên khoáng sản.

- Hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư, ... và hoạt động kinh tế khác.

### **9. Chi đảm bảo xã hội**

a) Áp dụng theo điểm a và điểm b khoản 3 Điều 5 Quy định này.

b) Trên cơ sở số đối tượng thực tế của năm trước và chính sách theo quy định bố trí kinh phí chi chế độ trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng chính sách và hoạt động của các cơ sở bảo trợ xã hội theo phân cấp do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo.

c) Hằng năm, căn cứ chế độ quy định, khả năng ngân sách tỉnh và chủ trương của cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động đảm bảo xã hội theo phân cấp do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

### **10. Quốc phòng, an ninh**

Hằng năm, căn cứ chế độ, chính sách quy định bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo theo phân cấp. Đồng thời, căn cứ khả năng ngân sách tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

## **Điều 6. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố**

### **1. Quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể**

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) theo quy định, được xác định trên cơ sở:

- Số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2021; số lượng cán bộ công chức cấp xã, mức khoán quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo quy định; số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, số lượng cấp ủy viên các cấp, số lượng cán bộ, công chức trong các cơ quan giúp việc của huyện ủy, thị ủy, thành ủy do huyện, thị xã, thành phố báo cáo.



- Căn cứ báo cáo của huyện, thị xã, thành phố để xác định đảm bảo đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương theo quy định hiện hành.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế:

- Các cơ quan, đơn vị cấp huyện: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

- Cấp xã: 23 triệu đồng/biên chế/năm.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí nhóm huyện:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	Triệu đồng/thành phố/năm	4.000
Nhóm I	Triệu đồng/huyện/năm	4.500
Nhóm II	Triệu đồng/huyện/năm	5.000

d) Chi tiền lương, tiền công lao động và chi hoạt động cho các đối tượng hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ theo số lượng được cơ quan có thẩm quyền giao với mức 60.000.000 đồng/hợp đồng/năm.

e) Trường hợp dự toán chi quản lý hành chính tính theo định mức quy định tại điểm b và điểm c khoản này nhỏ hơn 25% so với tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 25%, tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương tối đa 75%.

## 2. Sự nghiệp giáo dục

a) Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) theo quy định. Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương được xác định trên cơ sở biên chế sự nghiệp do cấp có thẩm quyền giao năm 2021 và báo cáo của huyện, thị xã, thành phố.

b) Chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập chiếm 19% tổng chi sự nghiệp giáo dục. Định mức phân bổ này đã bao gồm:

- Tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục thuộc ngân sách cấp huyện phải đảm bảo theo phân cấp và chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành.

- Các cơ sở giáo dục được phân bổ kinh phí chi thường xuyên phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập (như điểm b khoản 2 Điều 5 Quy định này) theo mức 20.000.000 đồng/biên chế/năm.

- Kinh phí tổ chức các hoạt động chung và nhiệm vụ phát sinh đặc thù của ngành; sửa chữa trường, lớp học và mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và học tập.

Tỷ lệ phân bổ chi thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và học tập năm 2022 nêu trên được tính theo tiền lương tối thiểu 1.490.000 đồng/tháng. Trường hợp trong thời kỳ ổn định ngân sách, nhà nước điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu thì không điều chỉnh chi phục vụ nhiệm vụ giảng dạy và học tập tăng theo tỷ lệ tương ứng, việc điều chỉnh tăng được thực hiện trên cơ sở chế độ quy định và khả năng ngân sách.



c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021 do huyện, thị xã, thành phố báo cáo và mức hỗ trợ theo quy định, gồm:

- Chính sách phát triển giáo dục mầm non.
- Kinh phí hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập.
- Chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.
- Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

### 3. Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1-18 tuổi) là 40.000 đồng/người dân/năm. Định mức phân bổ khoản này đã bao gồm kinh phí thực hiện các loại hình đào tạo, dạy nghề và các cấp đào tạo, dạy nghề, trung tâm bồi dưỡng chính trị của huyện, thị xã, thành phố.

### 4. Sự nghiệp khoa học và công nghệ

Các huyện, thị xã, thành phố được phân bổ 300.000.000 đồng/huyện/năm để thực hiện chi ứng dụng khoa học công nghệ.

### 5. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

a) Các huyện, thị xã, thành phố được phân bổ 200.000.000 đồng/huyện/năm để tổ chức các phong trào bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác an toàn thực phẩm trên địa bàn.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021 và chính sách, mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định đối với mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo phân cấp.

### 6. Sự nghiệp văn hóa thông tin

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	26.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	27.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	27.500

*Định mức trên đã bao gồm: Kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.*

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: 250.000.000 đồng/đội thông tin lưu động/năm.

### 7. Sự nghiệp phát thanh truyền hình

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	14.500
Nhóm I	đồng/người dân/năm	15.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	16.500



## 8. Sự nghiệp thể dục thể thao

Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	10.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	11.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	12.000

## 9. Quốc phòng, an ninh

a) Lĩnh vực quốc phòng

- Định mức phân bổ tính theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	23.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	24.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	26.000

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: 300.000.000 đồng/huyện biên giới/năm, 150.000.000 đồng/xã trọng điểm về quốc phòng/năm.

b) Lĩnh vực an ninh

- Định mức phân bổ tính theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện:

Nhóm	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	16.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	16.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	17.000

- Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung: 200.000.000 đồng/huyện biên giới/năm và 100.000.000 đồng/xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự/năm.

## 10. Chi đảm bảo xã hội

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	16.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	18.500
Nhóm II	đồng/người dân/năm	19.500

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung được xác định trên cơ sở số đối tượng năm 2021 do địa phương báo cáo và chính sách, mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định, gồm: Chế độ, chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội; người uy tín; nghệ nhân nhân dân, nghệ sĩ ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn; trợ cấp hàng tháng cán bộ xã đã nghỉ việc; tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách; phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số; đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.



## 11. Sự nghiệp kinh tế

a) Thành phố Gia Nghĩa được phân bổ theo tỷ lệ là 5% và các huyện, thị xã còn lại là 3% của tổng các khoản chi thường xuyên từ khoản 1 đến khoản 10 Điều 6 Quy định này.

b) Định mức phân bổ theo nhiệm vụ:

- Huyện, thị xã, thành phố có diện tích dưới 1.000 km<sup>2</sup> được phân bổ thêm 15% và các huyện, thị xã, thành phố còn lại được phân bổ thêm 18% so với định mức được quy định tại điểm a khoản này.

- Phân bổ cho thành phố thuộc tỉnh 7.000 triệu đồng/năm và thị xã thuộc tỉnh 4.000 triệu đồng/năm để thực hiện nhiệm vụ điện chiếu sáng, công viên, cây xanh và các hoạt động sự nghiệp kiến thiết thị chính khác.

- Kinh phí phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra và khắc phục hậu quả sau thiên tai theo kế hoạch được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

- Chính sách, mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành về lĩnh vực lâm nghiệp trên cơ sở số liệu năm 2021 do địa phương báo cáo.

- Kinh phí cho địa phương sản xuất lúa theo chế độ quy định và diện tích đất trồng lúa do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố.

- Hằng năm, căn cứ vào khả năng tăng thu ngân sách và các nguồn bổ sung, hỗ trợ thêm của Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định mức bổ sung tăng thêm cho từng huyện, thị xã, thành phố theo từng nhiệm vụ chi cụ thể.

## 12. Sự nghiệp môi trường

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và theo nhóm huyện:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Định mức
Thành phố Gia Nghĩa	đồng/người dân/năm	65.000
Nhóm I	đồng/người dân/năm	40.000
Nhóm II	đồng/người dân/năm	30.000

b) Định mức phân bổ theo nhiệm vụ:

- Các huyện, thị xã, thành phố được hỗ trợ với mức tương ứng 10% số thu phí bảo vệ môi trường phát sinh trên địa bàn của năm trước liền kề năm kế hoạch (phần ngân sách cấp tỉnh được hưởng theo phân cấp) và không quá 4.000 triệu đồng/năm để thực hiện phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường; khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương.

- Phân bổ cho thành phố thuộc tỉnh 8.000 triệu đồng/năm và thị xã thuộc tỉnh 5.000 triệu đồng/năm để phục vụ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải, vệ sinh môi trường nơi công cộng.



**13. Chi thường xuyên khác của ngân sách**

Chi khác ngân sách được tính bằng 0,5% tổng các lĩnh vực chi thường xuyên được phân bổ theo định mức từ khoản 1 đến khoản 12 Điều 6 Quy định này. Định mức này không bao gồm các khoản chi đặc thù, đột xuất được phân bổ theo từng nội dung công việc cụ thể.

**14. Dự phòng ngân sách**

Dự phòng ngân sách được tính bằng 2% tổng các lĩnh vực chi được phân bổ theo định mức từ khoản 1 đến khoản 13 Điều 6 Quy định này./.